

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HSST
Ngày: 30/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương

Các hội thẩm nhân dân :

1/ Ông Phạm Văn Minh

2/ Bà Trần Thị Ngọc Linh

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:** Ông Trương Vĩnh Vinh - Kiểm sát viên.

*** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Thanh Lê Anh Tuấn

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 54/2017/HSST ngày 21/7/2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN NGỌC S (tên gọi khác:), sinh ngày 10/6/1994

Nơi sinh: huyện B, tỉnh Bình Thuận;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố L, thị trấn L1, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không;

Cha: Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn L1, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Mẹ :Nguyễn Thị H – sinh năm 1970

Nơi cư trú: thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Anh chị em ruột: có người, lớn nhất sinh năm , nhỏ nhất sinh năm .

Vợ, con: chưa có

Tiền án: Ngày 21/09/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm tù về tội: Cướp giật tài sản (theo bản án sơ thẩm bản án số 41/2012/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05.02.2015.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 25.5.2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Tuy Phong.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Trịnh Thị A , sinh năm (vắng mặt)

Ông Cao Ngọc T, sinh năm (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Ngọc S bị Viện kiểm sát nhân nhân huyện Tuy Phong truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 25/5/2017 Lê Thị C mượn xe mô tô biển số 86B2-287.12 của Lê Văn L (em ruột của C) để đi thăm bạn ở xã V1, huyện T. Khi đang chuẩn bị đi thì Nguyễn Ngọc S (ở cùng xóm với C) xin đi nhờ ra nhà anh của Ngọc S ở xã V1, huyện T chơi. C đồng ý giao xe mô tô biển số 86B2-287.12 cho Ngọc S chở C ngồi phía sau chạy từ thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình đến khu vực nhà trọ Ánh Sáng thuộc thôn V, xã V1, huyện T. Đến nơi khoảng 14 giờ cùng ngày, Ngọc S bảo C đứng chờ trước hành lang nhà trọ để Ngọc S vào phòng trọ gặp người anh của Ngọc S, khi vào trong dãy nhà trọ thấy vắng người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Ngọc S nhìn thấy phòng trọ số 02 do vợ chồng ông Cao Ngọc T, bà Trịnh Thị A thuê ở có khóa ổ khóa nhỏ nên Ngọc S dùng cây Tuốc nơ vít bọc sẵn ở túi quần cây phá làm bung ổ khóa. Ngọc S mở cửa phòng vào bên trong lấy 01 máy tính xách tay màu đen hiệu Asus Model X553M, 01 cục sạc (adapter)-ADP-33AW, 01 chuột máy tính hiệu Genius-125; 01 điện thoại di động hiệu Samsung-GT-C3312R màu trắng, màn hình cảm ứng - 2,8 inch; 01 bộ tai nghe hiệu Sony-EXTRABASS XB250 màu đen; 01 cục sạc dự phòng hiệu E-VALU màu hồng; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Omega để ở góc phòng. Ngọc S lấy ba lô có sẵn trong phòng rồi cho tất cả số tài sản nêu trên vào ba lô, Ngọc S tiếp tục lục tìm trong túi xách quần áo để ở sát vách tường lấy 02 chiếc ví trong đó 01 chiếc ví bên trong có 900.000 đồng cùng 02 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Thị A và Cao Ngọc T; 01 bằng lái xe mang tên Cao Ngọc T; 01 đăng ký xe mô tô biển số 47E1-273.74 bỏ vào trong ba lô thì Ngọc S nghe có tiếng xe máy bên ngoài, sợ bị phát hiện nên Ngọc S mang ba lô chứa tài sản trộm cắp đi ra khỏi phòng trọ. Cùng lúc vợ chồng ông Cao Ngọc T, bà Trịnh Thị A đi về phát hiện bắt giữ Ngọc S rồi điện báo công an xã V1 đến lập biên bản phạm tội quả tang.

Theo biên bản và Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 26.5.2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phong xác định giá thực tế đối với các tài sản như sau:

+ 01 bộ máy tính xách tay hiệu Asus model X553M (Kèm theo sạc và chuột), trị giá: $5.700.000 \text{ đồng} / \text{bộ} \times 80\% = 4.560.000 \text{ đồng}$.

+ 01 bộ tai nghe hiệu Sony-EXTRABASSXB250, trị giá: $990.000 \text{ đồng} / \text{bộ} \times 80\% = 792.000 \text{ đồng}$.

+ 01 cục sạc dự phòng hiệu e-VALU, trị giá: $200.000 \text{ đồng} / \text{cục} \times 90\% = 180.000 \text{ đồng}$.

+ 01 chiếc điện thoại di động Samsung-GT-C3312R, trị giá: $725.000 \text{ đồng} / \text{chiếc} \times 15\% = 108.750 \text{ đồng}$.

+ 01 chiếc đồng hồ đeo tay Omega, trị giá: $420.000 \text{ đồng} / \text{chiếc} \times 30\% = 126.000 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản định giá: 5.766.750 đồng.

Tổng tài sản Nguyễn Ngọc S trộm cắp của vợ chồng ông Cao Ngọc T, bà Trịnh Thị A là 6.666.750 đồng gồm tài sản định giá 5.766.750 đồng và 900.000 đồng tiền mặt trong ví.

Tại bản cáo trạng số: 55/QĐ/KSĐT/VKS-HS ngày 21/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Bị cáo xác định cáo trạng truy tố không oan sai và đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 25/5/2017 tại khu vực nhà trọ Ánh Sáng thuộc thôn V, xã V1, huyện T, Nguyễn Ngọc S lén lút vào phòng trọ số 02 của vợ chồng ông Cao Ngọc T, bà Trịnh Thị A dùng cây Tuốc nơ vít bọc sẵn ở túi quần cây phá làm bung ổ khóa cửa và lấy trộm 01 máy tính xách tay màu đen hiệu Asus Model X553M, 01 cục sạc (adapter)-ADP-33AW, 01 chuột máy tính hiệu Genius-125; 01 điện thoại di động hiệu Samsung-GT-C3312R màu trắng, màn hình cảm ứng - 2,8 inch; 01 bộ tai nghe hiệu Sony-EXTRABASS XB250 màu đen; 01 cục sạc dự phòng hiệu E-VALU màu hồng; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Omega, 01 chiếc ví bên trong có 900.000 đồng cùng 02 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Thị A và Cao Ngọc T; 01 bằng lái xe mang tên Cao Ngọc T; 01 đăng ký xe mô tô biển số 47E1-273.74. Ngọc S bỏ tài sản trộm cắp vào trong ba lô có sẵn trong phòng đi ra khỏi phòng trọ. Cùng lúc vợ chồng ông T, bà A đi về phát hiện bắt giữ Ngọc S rồi điện báo công an xã V1 đến lập biên bản phạm tội quả tang.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 26.5.2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phong và 900.000 đồng tiền mặt trong ví của bị hại thì tổng tài sản Nguyễn Ngọc S trộm cắp là 6.666.750 đồng.

Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc S khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, cũng như các chứng cứ khác do cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “*Trộm cắp tài*”

sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Về vấn đề tiền án của bị cáo, theo bản án số 41/2012/HSST ngày 21/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xác định bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội khi được 17 tuổi 15 ngày, xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội cướp giật tài sản, bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2017 của cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Tuy Phong, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong đã xác định bị cáo Ngọc S đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 20/3/2013. Ngày 05/2/2015 bị cáo Ngọc S đã chấp hành xong án phạt tù của bản án theo giấy chứng nhận số 199/GCN ngày 05/2/2015 của Trại giam Huy Khiêm. Theo điểm c khoản 2 Điều 64, khoản 1 Điều 77 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) thì từ lúc chấp hành xong án phạt tù ngày 05.2.2015 đến ngày phạm tội là ngày 25/5/2017 bị cáo Ngọc S chưa được coi là xóa án tích. Trường hợp của bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý là tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 49 Bộ Luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì tính đến ngày phạm tội là ngày 25/5/2017 bị cáo Ngọc S được coi là đương nhiên được xóa án tích. Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) về qui định có lợi cho bị cáo thì HĐXX không xem đây là trường hợp tái phạm, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo Ngọc S là công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng với bản tính tham lam, lười lao động đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sống có ích cho xã hội thông qua đó răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, nên đây là tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Đối với bà Lê Thị C là người đi cùng với bị cáo đến nơi xảy ra hành vi phạm tội nhưng cơ quan điều tra xác định bà C và bị cáo không có bàn bạc trước, không có hành vi giúp sức cho bị cáo và không xử lý C do đó HĐXX không xem xét.

Về vật phần dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản cho bị hại theo quy định pháp luật và người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 01 cây Tuốc nơ vít dài 20cm, có hàng chữ PH2 STANDARD là vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Riêng xe mô tô biển số 86B2-287.12, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu Lê Văn L vì L không biết Ngọc S dùng để trộm cắp tài sản là phù hợp.

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

* **Tuyên phạt:** Bị cáo Nguyễn Ngọc S 12 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam 25/5/2017.

* **Về xử lý vật chứng:** áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cây tuốc nơ vít dài 20cm, có hàng chữ PH2 STANDARD là vật không còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/7/2017 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, công an huyện Tuy Phong và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong).

* **Về án phí:** áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của bị cáo là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo bản án của bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND huyện Tuy Phong
- Công an huyện Tuy Phong
- Người tham gia tố tụng
- UBND địa phương nơi b/c thường trú
- Chi cục THADS h. Tuy Phong
- Lưu hồ sơ

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

NGUYỄN LÊ PHƯƠNG